Quản lý thông tin khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-case name** | **Quản lý thông tin khách hàng** |
| **Brief Description** | * Cho phép Actor xem danh sách nhân viên, chi tiết thông tin nhân   viên và thao tác với dữ liệu |
| **Actor(s)** | Nhân viên quản lý và nhân viên tại  quầy. |
| **Pre-Conditions** | * Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống. * Tài khoản của nhân viên phải có đúng quyền hạn. * Nhân viên phải chọn chức năng   quản lý thông tin khách hàng. |
| **Basic flow** | Hệ thống hiển thị giao diện với user phân quyền phù hợp:   1. Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng đã được lưu trên hệ thống 2. Người dùng có thể thực hiện các chức năng:    * Tra cứu thông tin khách hàng gồm:      + Họ tên khách hàng      + Địa chỉ email      + Số điện thoại      + Lịch sử giao dịch    * Thêm, sửa hoặc xóa thông tin khách hàng. |
| **Alternative flows** | 1. Tra cứu thông tin khách hàng không tồn tại trong hệ thống:    * Thông báo: “Khách hàng không tồn tại”. 2. Thêm khách hàng đã tồn tại trong hệ thống:    * Thông báo:”Khách hàng đã tồn tại” |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Sửa thông tin của khách hàng không hợp lệ:    * Thông báo: “Thông tin không hợp lệ” 2. Xóa thông tin khách hàng không tồn tại trong hệ thống.    * Thông báo: “Khách hàng không tồn tại” |
| **Post-Conditions** | 1. Tra cứu thành công: Hệ thống hiển thị đầy đủ thông tin của khách hàng. 2. Thêm khách hàng thành công: Thông tin khách hàng mới được thêm vào hệ thống và được hiển thị trong danh sách khách hàng. 3. Sửa thông tin khách hàng thành công: Thông tin khách hàng được sửa đổi thành công và được hiển thị đúng trên danh sách khách hàng. 4. Xóa khách hàng thành công: Thông tin khách hàng bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên   danh sách khách hàng. |

Quản lý thông tin lịch chiếu

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-case name** | **Quản lý thông tin lịch chiếu** |
| **Brief Description** | * Cho phép Actor xem danh sách   lịch chiêu , chi tiết thông tin lịch chiếu và thao tác với dữ liệu |
| **Actor(s)** | Nhân viên quản lý |
| **Pre-Conditions** | * Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống. * Tài khoản của nhân viên phải có đúng quyền hạn |

|  |  |
| --- | --- |
| **Basic flow** | Hệ thống hiển thị giao diện với user nhân viên quản lý:   1. Nhân viên chọn chức năng quản lý lịch chiếu. 2. Hệ thống danh sách lịch chiếu đã được tạo trên hệ thống. 3. Nhân viên quản lý có thể tìm kiếm các suất chiếu phim theo ngày, giờ chiếu, tên phim. 4. Khi tìm kiếm thành công, nhân viên quản lý có thể xem thông tin chi tiết của suất chiếu phim gồm:    * Tên phim    * Thời điểm bắt đầu chiếu    * Thời lượng    * Phòng chiếu    * Giá vé 5. Nhân viên quản lý có thể sửa thông tin suất chiếu, thêm và xóa   suất chiếu. |
| **Alternative flows** | 1. Tra cứu thông tin suất chiếu không tồn tại trong hệ thống:    * Thông báo: “Suất chiếu không tồn tại”. 2. Thêm suất chiếu đã tồn tại hoặc có thông tin không hợp lệ , trùng với suất chiếu phim đã có trong hệ thống:    * Thông báo:”Suất chiếu không hợp lệ” 3. Sửa thông tin của suất chiếu không hợp lệ:    * Thông báo: “Thông tin suất chiếu không hợp lệ” 4. Xóa suất chiếu không tồn tại trong hệ thống.   Thông báo: “Suất chiếu không tồn tại” |

|  |  |
| --- | --- |
| **Post-Conditions** | 1. Tra cứu thành công: Hệ thống hiển thị đầy đủ thông tin của suất chiếu. 2. Thêm suất chiếu thành công: Suất chiếu mới được thêm vào hệ thống và được hiển thị trong danh sách lịch chiếu. 3. Sửa thông tin suất chiếu thành công: Thông tin suất chiếu được sửa đổi thành công và được hiển thị đúng trên danh sách lịch chiếu. 4. Xóa suất chiếu thành công: Suất chiếu bị xóa khỏi hệ thống và   không hiển thị trên danh sách lịch chiếu. |

Quản lý thông tin đồ ăn

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-case name** | **Quản lý thông tin đồ ăn** |
| **Brief Description** | * Cho phép Actor xem danh sách   thông tin đồ ăn và thao tác với dữ liệu. |
| **Actor(s)** | Nhân viên quản lí |
| **Pre-Conditions** | * Nhân viên phải đăng nhập vào hệ thống. * Tài khoản của nhân viên phải có đúng quyền hạn. |
| **Basic flow** | Hệ thống hiển thị giao diện với user nhân viên quản lí   1. Nhân viên quản lí chọn “Quản lí thông tin đồ ăn và combo”. 2. Hệ thống hiển thị danh sách đồ ăn trên hệ thống 3. Nhân viên quản lý có thể tìm kiếm các sản phẩm đồ ăn theo |

|  |  |
| --- | --- |
|  | tên sản phẩm hoặc loại sản phẩm.   1. Khi tìm kiếm thành công, nhân viên quản lý có thể xem thông tin chi tiết của sản phẩm đồ ăn gồm:    * Tên sản phẩm    * Loại sản phẩm    * Mô tả sản phẩm    * Trạng thái sản phẩm (còn: / hết)    * Giá sản phẩm 2. Nhân viên quản lý có thể sửa   thông tin đồ ăn, thêm và đồ ăn. |
| **Alternative flows** | 1. Tra cứu thông tin đồ ănkhông tồn tại trong hệ thống:    * Thông báo: “Đồ ăn không tồn tại”. 2. Thêm đồ ăn đã tồn tại trong hệ thống:    * Thông báo:”Đồ ăn đã tồn tại” 3. Sửa thông tin của đồ ăn không hợp lệ:    * Thông báo: “Thông tin đồ ăn không hợp lệ” 4. Xóa thông tin đồ ăn không tồn tại trong hệ thống.    * Thông báo: “Đồ ăn không tồn tại |
| **Post-Conditions** | 1. Tra cứu thành công: Hệ thống hiển thị đầy đủ thông tin của của đồ ăn. 2. Thêm đồ ăn thành công: Đồ ăn mới được thêm vào hệ thống và được hiển thị trong danh sách thông tin đồ ăn. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Sửa thông tin đồ ăn thành công: Thông tin đồ ăn được sửa đổi thành công và được hiển thị đúng trên danh sách thông tin đồ ăn. 2. Xóa đồ ăn thành công: Đồ ăn bị xóa khỏi hệ thống và không hiển thị trên danh sách thông tin đồ ăn. |